TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2020
Vv "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH Đ

- ***Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Duy Minh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Nguyễn Vĩnh Mậu**;

2. **Ông Nguyễn Thanh Trọng**;

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Duy Linh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Đ tham gia phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2020, về việc: *"Ly hôn"*, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 1400/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Võ Thành Đ, S năm 1969**
Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Đ.

Bị đơn: **Nguyễn Thị Hạnh T, S năm 1971**
Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2020, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn anh Võ Thành Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hạnh T qua thời gian quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 1991 tại UBND xã Phước Hiệp, huyện T, tỉnh Bình Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh tại Đội 1, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Đ. Đến năm 2000 thì chị T về nhà cha mẹ chị T ở tại Đội 2, thôn Giang Nam, xã Phước hiệp, huyện T, tỉnh Bình Đ, còn anh ở nhà cha mẹ anh với ba đứa con. Anh bảo vợ anh về ở chung với chồng con nhưng chị T biện lý do là lo cho cha mẹ già nên

không về, bỏ mặc cho một mình anh nuôi ba đứa con. Khi tổ chức lễ cưới cho hai con thì chị T chỉ về tham dự chứ không có trách nhiệm gì, rồi lại đi tiếp. Vào đầu năm 2017, anh làm đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện T và Tòa án đã thụ lý, nhưng sau đó các con năn nĩ vì chuẩn bị tổ chức lễ cưới cho người con còn lại nên anh rút đơn và đã được Tòa án ra Quyết Đ đình chỉ. Khi tổ chức lễ cưới cho con thứ ba thì chị T cũng chỉ về tham dự chứ không có trách nhiệm gì. Sau đó chị T lại thường xuyên bỏ đi nhưng không nói đi đâu, làm gì; mỗi lần đi khoảng một đến hai tháng về ở được vài ngày rồi lại đi tiếp. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, không thể sống chung với nhau được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hạnh T.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Hạnh T có ba con chung: Võ Thành Đ, S ngày 18 tháng 3 năm 1992; Võ Diệu S, S ngày 20 tháng 10 năm 1993 và Võ Thanh Đ, S ngày 18 tháng 6 năm 1995. Các con đã đủ 18 tuổi và đã lập gia đình.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung.

- Về nợ chung: anh và chị T không nợ ai, không ai nợ anh và chị T.

* Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Thị Hạnh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Võ Thành Đ qua thời gian quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 1991 tại UBND xã Phước Hiệp, huyện T, tỉnh Bình Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh Đ. Trong cuộc sống mặc dù gặp nhiều khó khăn về kinh tế vì phải nuôi ba con nhỏ ăn học, vợ chồng vay mượn nhiều nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng, vất vả làm ăn lo cho các con ăn học, vợ chồng vẫn sống hạnh phúc. Đến năm 2013, hai đứa con lớn đi học tại thành phố Hồ Chí Minh, lúc này nhà cha mẹ chị ở thôn G, xã Pkhông có ai ở (cha chị chết, mẹ chị đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh) nên chị về nhà cha mẹ chị ở, anh Đ cũng về đây ở với chị. Chị ở nhà chăn nuôi, còn anh Đ thì đi làm thuê vất vả nên vợ chồng vay mượn tiền mua một chiếc xe tải nhỏ để anh Đ làm ăn. Đến năm 2016 thì vợ chồng về lại nhà cha mẹ anh Đ ở, chị vẫn thường xuyên về nhà cha mẹ chị để trông coi, vợ chồng vẫn sống hạnh phúc. Tuy nhiên vào đầu năm 2017, không biết lý do gì mà anh Đ làm đơn ly hôn, Tòa gọi chị và anh Đ đến làm việc rồi sau đó anh Đ rút đơn. Kể từ thời gian đó trở về sau thì vợ chồng sống lạnh nhạt, không còn tình cảm với nhau. Đến đầu năm 2019 thì anh Đ gây mâu thuẫn với chị, thường xuyên chửi mắn rồi đánh chị. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn, chị không Đ ý vì chị không có lỗi gì đối với cuộc sống gia đình và vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Đ có ba con chung: Võ Thành Đ, S ngày 18 tháng 3 năm 1992; Võ Diệu S, S ngày 20 tháng 10 năm 1993 và Võ Thanh Đ, S ngày 18 tháng 6 năm 1995. Các con đã đủ 18 tuổi và đã lập gia đình.

- Về quan hệ tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung.

- Về nợ chung: chị và anh Đ không nợ ai, không ai nợ chị và anh Đ.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Võ Thành Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là chị Nguyễn Thị Hạnh T cư trú tại khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Đ theo quy Đ tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Võ Thành Đ và chị Nguyễn Thị Hạnh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 8 năm 1991 tại UBND xã Phước Hiệp, huyện T, tỉnh Bình Đ nên hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hợp pháp. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị T không Đ ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Trước đây vào năm 2017, anh Đ cũng đã làm đơn khởi kiện ly hôn chị T và đã được Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án. Tuy nhiên vào thời gian này, vợ chồng anh Đ chị T chuẩn bị tổ chức lễ cưới cho con nên anh Đ rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra Quyết Đ đình chỉ giải quyết vụ án số 81/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017. Sau đó thì mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T vẫn xảy ra như trước và kéo dài cho đến nay. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho anh Võ Thành Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Hạnh T.

[3] Về con chung: Anh Võ Thành Đ và chị Nguyễn Thị Hạnh T có ba con chung: Võ Thành Đ, S ngày 18 tháng 3 năm 1992; Võ Diệu S, S ngày 20 tháng 10 năm 1993 và Võ Thanh Đ, S ngày 18 tháng 6 năm 1995. Các con đã đủ 18 tuổi và đã lập gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ:

- Anh Võ Thành Đ và chị Nguyễn Thị Hạnh T đều không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản, nên Hội Đ xét xử không xét.

- Trong thời kỳ hôn nhân, anh Đ và chị T không nợ ai, không ai nợ anh Đ và chị T

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy Đ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Võ Thành Đ phải chịu 300.000 Đ tiền án phí ly hôn sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Anh Võ Thành Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Hạnh T.

2. Về tiền án phí: Anh Võ Thành Đ phải chịu 300.000 Đ (ba trăm ngàn Đ) án phí ly hôn sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào 300.000 Đ (ba trăm ngàn Đ) tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000707 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Đ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI Đ XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Mậu **Nguyễn Thanh Trọng** **Võ Duy Minh**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS H.T;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bình Đ;
- UBND xã Phước Hiệp, H.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS H.T;
- UBND xã Phước Lộc, H.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh